

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 -2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Lâm.
2. Bà Hồ Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1989. – Có mặt.
Nơi cư trú: Xóm 1, xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1988. – Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm 8, xã QY, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/02/2018, bản tự khai ngày 02/3/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cân công khai chứng cứ và biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 05/10/2011 hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thì giữa chị và anh T thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính cách không hợp, anh T thường hay rượu chè, cờ bạc, chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị nhiều lần. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai người cắt đứt mọi quan hệ, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị N xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con: Chị Lê Thị N trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/4/2010 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 23/9/2013, hiện 02 con đang ở với anh T. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị yêu cầu Tòa giao con chung Nguyễn Thị VA cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Hữu P cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Mỗi người nuôi 01 con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà anh Nguyễn T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Qua xác xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND xã QY ngày 17/4/2018 bà Hồ Thị N1, chủ tịch hội phụ nữ xã QY cho biết: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn T kết hôn năm 2011 là tự nguyện, quá trình chung sống không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào mà chị N về nhà mẹ đẻ ở xã QB từ tháng 5/2017 cho đến nay. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/4/2010 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 23/9/2013, hiện 02 con đang ở với anh T. Anh T thường đi làm thuê trong xã và các xã lân cận, việc Tòa báo gọi và triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án mà không có mặt là do anh T cố tình vắng mặt không đến tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn T không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; vắng mặt trong các phiên họp và hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 23/5/2018 và tại phiên tòa ngày hôm nay nhiều lần không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị VA, sinh ngày 23/9/2013 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/4/2010 cho anh Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con nhau do không có ai yêu cầu. Chị N và anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T vắng mặt khi có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn T và người thân trong gia đình của anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên không có lời khai, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/5/2018 không có lý do. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký vào ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã QB, huyện QL, tỉnh Nghệ An đảm bảo các điều kiện kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn xảy ra mâu thuẫn, tính cách không hợp, anh T thường hay rượu chè, cờ bạc, chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị nhiều lần. Mâu thuẫn đã trầm trọng nhất là chị N và anh T ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay. Xét thấy chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/4/2010 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 23/9/2013. Hiện 02 con đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, các cháu khỏe mạnh, bình thường, được học hành đầy đủ tại Trường tiểu học và Mầm non xã QY. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Thị VA và giao con Nguyễn Hữu P cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để bảo quyền và nghĩa vụ nuôi con của các bên nên giao mỗi người nuôi 01 con là phù hợp theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho nhau do không có ai yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị Lê Thị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi anh T có đơn yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản cứ khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N; chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị VA, sinh ngày 23/9/2013 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 05/4/2010 cho anh Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N và anh T do không có ai yêu cầu. Chị N và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T vắng mặt, khi có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001537, ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QL.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Q.Lưu.
- THADS huyện Q.Lưu.
- UBND xã QB.
- Lưu VP, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Huệ

Trần Ngọc Lâm

Nguyễn Anh Sơn